TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án: 17/2018/HNGĐ-ST
Ngày 11 - 9 - 2018
V/v ly hôn giữa chị L và anh K

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG - TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Huy Biên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Chu Văn Bình.
2. Bà Hoàng Thị Chung.

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Phượng, Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Bá Tuân, Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2018; tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2018 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13a/2018/QĐXX-ST ngày 7 tháng 8 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2018/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Vi Thị Thùy L, sinh năm 1987, có mặt.
Địa chỉ: Thôn Đ, xã V, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

* Bị đơn: Anh Đàm Ngọc K, sinh năm 1981, vắng mặt.
Địa chỉ: Thôn T, xã Y, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn và các lời khai tiếp theo tại Tòa án chị Vi Thị Thùy L trình bày: Chị kết hôn với anh Đàm Ngọc K ngày 3/01/2012 trên cơ sở tự do tìm hiểu, thỏa thuận và tự nguyện đi đến cuộc sống chung, có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập, quán địa phương và đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện S, sau ngày cưới vợ chồng về chung sống tại gia đình anh K, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra khoảng tháng 4/2015, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm, lối sống, không thống nhất được với nhau trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình, ngoài ra anh K là người nghiện ma túy, không quan tâm đến vợ, con và gia đình, tháng 02/2016 chị về gia đình bên ngoại và vợ chồng sống ly thân nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã xảy ra trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị và anh K được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Đàm Thị Kim T, sinh ngày 21/9/2012, hiện nay cháu T đang ở cùng chị. Chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung, chị không yêu cầu anh K đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ chung: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung, không liên quan vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và công nợ.

* Bị đơn anh Đàm Ngọc K đã được Tòa án giao Thông báo về việc thụ lý vụ án đúng thời hạn, triệu tập nhiều lần đến Tòa án để làm việc nhưng anh K không chấp hành, anh K cũng không cung cấp cho Tòa án ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của chị L. Mẹ anh K là bà Hoàng Thị S xác định anh K đã biết được việc chị L xin ly hôn đối với anh, nhưng anh K không về giải quyết mà anh nói với bà đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật, nên Tòa án không thu thập được lời khai của anh K.

* Tại phiên toà hôm nay: Chị Vi Thị Thùy L vẫn giữ nguyên ý kiến như đã trình bày, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh K được ly hôn theo quy định của pháp luật.

Đại diệnViện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên toà, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng thủ tục tố tụng; tại phiên toà, Hội đồng xét xử tiến hành đúng trình tự, thủ tục của phiên toà sơ thẩm; nguyên đơn chị Vi Thị Thùy L thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo pháp luật quy định; bị đơn anh Đàm Ngọc K đã không chấp hành các giấy triệu tập của Toà án là vi phạm khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án đã giao giấy triệu tập phiên tòa; tống đạt quyết định xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ, nhưng anh K vẫn vắng mặt tại phiên tòa, do vậy Tòa án xét xử vắng mặt anh K là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 28; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Vi Thị Thùy L và anh Đàm Ngọc K được ly hôn.

Về con chung: Giao chị Vi Thị Thùy L nuôi dưỡng cháu Đàm Thị Kim T, sinh ngày 21/9/2012, về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Chị L và anh K không có tài sản chung, không liên quan vay nợ chung, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Vi Thị Thùy L phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành giao quyết định xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập hợp lệ cho bị đơn anh Đàm Ngọc K, nhưng anh K vẫn vắng mặt tại phiên tòa, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn chị Vi Thị Thùy L và những tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa thì có cơ sở xác định như sau:

Chị Vi Thị Thùy L và anh Đàm Ngọc K kết hôn ngày 3/01/2012, trên cơ sở tự do tìm hiểu và thỏa thuận, vợ chồng đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện S, tỉnh Bắc Giang. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống cùng nhau, tình cảm ban đầu hòa thuận, hạnh phúc, hiện vợ chồng đã có một con chung với nhau, do vậy cần xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Mâu thuẫn vợ chồng: Chị L xác định vợ chồng bất đồng về quan điểm, lối sống không thống nhất được với nhau trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình, ngoài ra anh K là người nghiện ma túy, không quan tâm đến vợ con, vợ chồng sống ly thân từ tháng 02/2016 đến nay, tình cảm vợ chồng đã hết, cuộc sống chung không thể hàn gắn được, không còn khả năng đoàn tụ, do vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh K được ly hôn. Anh Đàm Ngọc K vắng mặt và không có lời khai tại Tòa án.

Căn cứ vào lời khai của chị L, xét thấy tình trạng hôn nhân của chị L và anh K đã xảy ra căng thẳng, trầm trọng, vợ chồng sống ly thân một thời gian dài, không còn quan tâm đến nhau, không có quan hệ tình cảm và không còn khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị L xin ly hôn, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị L, xử cho chị Vi Thị Thùy L và anh Đàm Ngọc K được ly hôn là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị L và anh K có một con chung là cháu Đàm Thị Kim T, sinh ngày 21/9/2012, chị L có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh K đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy chị L nuôi dưỡng cháu T kể từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay vẫn ổn định, do vậy cần giao cho chị L nuôi dưỡng con chung là phù hợp với khoản 2 điều 81 luật hôn nhân gia đình. Chị L không yêu cầu anh K đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung, do vậy không đặt ra xem xét giải quyết về nghĩa vụ cấp dưỡng.

[3] Về tài sản, công nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản; do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Vi Thị Thùy L phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 19; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Vi Thị Thùy L và anh Đàm Ngọc K được ly hôn.

[2] Về con chung: Giao cho chị Vi Thị Thùy L nuôi dưỡng con chung là cháu Đàm Thị Kim T, sinh ngày 21/9/2012. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết.

Anh Đàm Ngọc K có quyền thăm nom con sau khi ly hôn, không ai được cản trở quyền thăm nom con của anh K.

[3] Về tài sản; công nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Vi Thị Thùy L phải chịu là 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, xác nhận chị L đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2010/006911 ngày 16/5/2018 của chi cục thi hành án Dân sự huyện Sơn Động, chị L không phải nộp án phí nữa.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *TAND tỉnh;*
- *VKSND tỉnh, huyện;*
- *THADS huyện;*
- *UBND xã Y;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Huy Biên